

TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN
Số: 397/1999/QĐ-CSBĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành thể lệ bưu phẩm, bưu kiện 1999

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

- Căn cứ Nghị định 12/CP ngày 11/3/1996 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng cục Bưu điện;
- Căn cứ Nghị định 109/1997/NĐ-CP ngày 12/11/1997 của Chính phủ về Bưu chính và Viễn thông;
- Căn cứ Thông tư 02/1998/TT-TCBĐ ngày 20/6/1998 của Tổng cục Bưu điện hướng dẫn việc thực hiện Nghị định 109/1997/NĐ-CP của Chính phủ về mạng lưới và dịch vụ bưu chính;
- Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Chính sách Bưu điện;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này” Thẻ lệ bưu phẩm, bưu kiện 1999”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những văn bản trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ: Chính sách Bưu điện, Kinh tế kế hoạch, Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Bưu điện, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Công ty Cổ phần dịch vụ Bưu chính - Viễn thông Sài Gòn, Công ty Điện tử -Viễn thông Quân đội chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC BƯU ĐIỆN

(Đã ký)

Mai Liêm Trực

THẺ LỆ

BƯU PHẨM BƯU KIỆN 1999

(Ban hành kèm theo Quyết định số 397/ 1999 / QĐ-CSBD ngày 15/ 6/ 1999 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện)

Chương I

QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh của Thẻ lệ

1.1- Thẻ lệ bưu phẩm, bưu kiện qui định việc cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu phẩm (thư, bưu thiếp, ấn phẩm, gói nhỏ, học phẩm gửi người mù) và bưu kiện (có khối lượng đến 31,5kg) trao đổi trong nước và quốc tế trên cơ sở qui định của Liên minh Bưu chính Thế giới và pháp luật của Việt Nam (sau đây gọi chung là bưu phẩm, bưu kiện).

1.2- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính và tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện (sau đây gọi là người sử dụng dịch vụ) phải tuân thủ các qui định trong Thẻ lệ này.

Điều 2. Quản lý Nhà nước đối với dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện

2.1- Tổng cục Bưu điện là cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện trong cả nước.

2.2- Các Cục Bưu điện khu vực là cơ quan trực thuộc Tổng cục Bưu điện thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện ở các địa phương theo địa bàn do Cục quản lý.

Điều 3. Quyền sở hữu bưu phẩm, bưu kiện

Bưu phẩm, bưu kiện là tài sản thuộc quyền sở hữu của người gửi khi chưa phát đến người nhận hoặc người được người nhận ủy quyền nhận thay, trừ những trường hợp sau:

3.1- Có quyết định thu giữ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật;

3.2- Có nội dung gây ô nhiễm hoặc vật phẩm, hàng hoá bị hủy hoại do đặc tính tự nhiên mà doanh nghiệp cung cấp dịch vụ buộc phải tiêu hủy;

3.3- Gửi ra nước ngoài bị thu giữ theo luật lệ của nước nhận.

Điều 4. Bảo đảm bí mật thư tín và an toàn cho bưu phẩm, bưu kiện

4.1- Mọi tổ chức, cá nhân đều có trách nhiệm bảo vệ bí mật thư tín và an toàn bưu phẩm, bưu kiện theo qui định pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

4.2- Nghiêm cấm các hành vi:

a) Lợi dụng việc cung cấp và sử dụng dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện nhằm mục đích chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây rối loạn an ninh trật tự; vi phạm đạo đức thuần phong mỹ tục; hoạt động buôn lậu và hoạt động vi phạm pháp luật khác.

b) Chiếm đoạt; hủy bỏ; bóc xem; tráo đổi và tiết lộ nội dung bưu phẩm, bưu kiện hoặc tiết lộ họ tên, địa chỉ người gửi, người nhận.

4.3 - Bưu phẩm, bưu kiện chỉ được mở để kiểm tra trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng xử lý bưu phẩm, bưu kiện vô thừa nhận xác định là bưu phẩm, bưu kiện vô thừa nhận.

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có căn cứ xác định trong bưu phẩm, bưu kiện có vật phẩm, hàng hoá mà Nhà nước cấm kinh doanh, cấm lưu thông, cấm xuất khẩu, nhập khẩu;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền khám xét theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

d) Bưu cục xử lý gói bọc lại đối với bưu phẩm, bưu kiện bị rách vỏ bọc làm rơi nội dung bên trong;

e) Cơ quan Hải quan làm thủ tục kiểm tra đối với bưu phẩm có vật phẩm, hàng hoá và bưu kiện trao đổi với nước ngoài.

4.4- Việc mở bưu phẩm, bưu kiện ở những trường hợp nêu trên phải thực hiện đúng trình tự thủ tục được pháp luật qui định. Đối với các trường hợp mở bưu phẩm, bưu kiện ở các điểm b, c, e, bưu cục nơi xử lý phải cử đại diện chứng kiến.

4.5- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cần phối hợp với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bảo đảm an toàn bưu phẩm, bưu kiện theo đúng pháp luật qui định.

Điều 5. Bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện

5.1- Việc quản lý chỉ tiêu chất lượng dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện được thực hiện theo qui định của Thông tư số 01/1998/TT-TCBD ngày 15/5/1998 và các quyết định, văn bản hướng dẫn liên quan của Tổng cục Bưu điện.

5.2- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có trách nhiệm bảo đảm phục vụ người sử dụng dịch vụ theo đúng tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ mà Tổng cục Bưu điện qui định và những chỉ tiêu chất lượng mà doanh nghiệp đã đăng ký với Tổng cục Bưu điện. Doanh nghiệp phải công bố các chỉ tiêu chất lượng cho người sử dụng dịch vụ biết.

Điều 6. Điểm cung cấp dịch vụ

6.1- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ được thành lập các điểm phục vụ như trung tâm, bưu cục, bưu cục lưu động, ki ốt, điểm bưu điện văn hoá xã, thùng thư tại nơi công cộng để đáp ứng nhu cầu của người sử dụng dịch vụ. Đại lý được coi như một điểm phục vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

6.2- Tùy theo điều kiện thực tế, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ qui định vị trí đặt thùng thư tại nơi công cộng sao cho bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Thùng thư được đặt tại nơi an toàn và thuận tiện cho người gửi thư; không làm ảnh hưởng đến trật tự công cộng.

b) Màu sắc của thùng thư và biểu trưng của doanh nghiệp in trên thùng thư phải thống nhất trong cả nước.

c) Trên thùng thư có các thông tin: tên đơn vị quản lý, tên bưu cục, ngày, giờ và số lần mở trong ngày.

6.3- Các trung tâm, bưu cục và các điểm phục vụ phải thực hiện việc treo biển, số hiệu bưu cục, số điện thoại giao dịch và niêm yết giờ mở cửa phục vụ bằng cước, chỉ tiêu chất lượng dịch vụ và các hướng dẫn sử dụng dịch vụ.

Điều 7. Kiểm tra hải quan

7.1- Mọi bưu phẩm, bưu kiện có vật phẩm, hàng hóa gửi từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài gửi về Việt Nam qua mạng lưới bưu chính công cộng đều phải làm thủ tục kiểm tra hải quan.

7.2- Thủ tục kiểm tra hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu kể từ lúc nhận gửi đến lúc giao lên các phương tiện vận chuyển tại các cửa khẩu, hoặc từ lúc nhận từ các cửa khẩu chuyển về Bưu cục Ngoại dịch để làm thủ tục phát đến người nhận, được thực hiện theo các qui định tại Thông tư liên tịch số 06/1998/TTLT-TCBD -TCHQ ngày 11/12/1998 giữa Tổng cục Bưu điện và Tổng cục Hải quan” Về việc làm thủ tục hải quan đối với bưu phẩm, bưu kiện, vật phẩm, hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính và chuyển phát nhanh”.

7.3- Các bưu cục có tổ chức Hải quan Bưu điện gồm: Bưu cục Ngoại dịch, Bưu cục Kiểm quan và Bưu cục Cửa khẩu. Tại nơi giao dịch của các bưu cục này, Hải quan trực tiếp làm thủ tục kiểm tra hải quan bưu phẩm, bưu kiện với người sử dụng dịch vụ.

7.4- Ngoài các loại bưu cục tại khoản 7.3 trên, các bưu cục còn lại đều không có tổ chức Hải quan. Bưu phẩm, bưu kiện gửi từ các bưu cục không có tổ chức Hải quan ra nước ngoài và từ nước ngoài gửi đến các bưu cục này đều do Bưu cục Ngoại dịch, Bưu cục Kiểm quan hoặc Bưu cục Cửa khẩu làm thủ tục kiểm tra hải quan theo sự phân luồng của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính.

Chương II

CÁC DỊCH VỤ BƯU PHẨM, BƯU KIỆN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Điều 8. Dịch vụ bưu phẩm

8.1- Đối với bưu phẩm gửi trong nước, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ được tổ chức trao đổi trực tiếp giữa các bưu cục hoặc qua các bưu cục trung gian.

8.2- Đối với bưu phẩm trao đổi với nước ngoài, ngoài những qui định trong Thể lệ này, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thực hiện theo các điều khoản qui định của Liên minh Bưu chính Thế giới (UPU).